TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày 03.4.2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Hữu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Trinh
Ông Nguyễn Văn Sanh

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 22/02/2023, quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Quang H, sinh năm 1953. Địa chỉ: 89/2 đường T, phường B, quận H, Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thu M, sinh năm 1975. Hộ khẩu thường trú: 80 T, phường B, quận H, Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: K58/H47/16 Ô, phường B, quận H, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Lê Thị Thu M là hàng xóm ở gần nhau**,** năm 2012 bà cho bà M vay 25.000.000 đồng, các năm tiếp sau đó bà tiếp tục cho bà M vay làm nhiều lần, mỗi lần cho vay ít nhất từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Khi cho vay có thỏa thuận lãi,

bà M có trả lãi cho bà, từ tháng 3/2020 bà M không trả lãi cho bà nữa. Việc vay mượn có lúc ghi sổ, có lúc không. Tất cả chữ viết trong sổ đều là chữ viết và chữ ký của bà M. Ngày 15/02/2020 (âm lịch), bà M tự tay viết giấy nhận nợ trong sổ xác nhận còn nợ bà 600.000.000 đồng. Sau đó bà M trả cho bà 70.000.000 đồng, còn nợ lại 530.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà nhiều lần yêu cầu bà M trả nhưng bà M khất lần không chịu trả. Ngày 27.6.2022, bà có nhắn tin trên zalo cho bà M đòi tiền, ngày 30/6/2022 bà M nhắn tin lại thách đố bà báo công an và yêu cầu bà từ nay về sau bà đừng gọi hay đòi tiền bà M nữa. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thu M trả cho bà số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M, bà M đã biết việc bà H khởi kiện nhưng không có văn bản phản hồi, vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70,71,73 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt nên phải chịu hậu quả của việc vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Quang H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thu M trả cho bà số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Quang H xác nhận, do có mối quan hệ hàng xóm với nhau, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2020, bà có cho bà Lê Thị Thu M vay tiền làm nhiều lần, việc vay mượn có lúc ghi sổ có lúc không. Các bên có thỏa thuận trả lãi, lúc đầu bà M trả lãi đầy đủ, tháng 3/2020 bà M không trả lãi nữa. Ngày 15/02/2020 bà M viết giấy xác nhận còn nợ bà 600.000.000 đồng. Sau đó bà M có trả cho bà 70.000.000 đồng, còn nợ lại 530.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà nhiều lần yêu cầu bà M trả nhưng bà M khất lần không chịu trả. Ngày 27.6.2022, bà H đã nhắn tin cho bà M đòi tiền, ngày

30.6.2022 bà M nhắn tin lại cho bà H yêu cầu bà H không được gọi hay đòi bà M nữa Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Thu M trả cho bà số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Thu M, bà M đã biết việc bà H khởi kiện nhưng không có văn bản phản hồi và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

[2.3] Xét thấy: Giấy nhận nợ ngày 15/02/2020 (âm lịch) giữa bà Lê Thị Quang H, bà Lê Thị Thu M là hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn, không tính lãi. Ngày 27.6.2022, bà H đã nhắn tin cho bà M đòi tiền. Ngày 30.6.2022 bà M nhắn tin lại cho bà H yêu cầu bà H không được gọi hay đòi bà M nữa nên xác định bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ thời điểm bà H nhắn tin đòi nợ. Do vậy, căn cứ vào các điều 280, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Quang H, buộc bà Lê Thị Thu M phải trả cho bà H số tiền 530.000.000 đồng.

[2.4] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa.

[3] Bà Lê Thị Thu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Lê Thị Quang H đối với bà Lê Thị Thu M. Buộc bà Lê Thị Thu M phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Quang H tổng số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thu M phải chịu 25.200.000 (Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Quang H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Thu M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Cục THADS tp. Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu